

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/DS-ST
Ngày: 16-5-2024
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Đào
- Ông Nguyễn Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 506/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà [Phan Kim T](#), sinh năm 1978; địa chỉ: [khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#).

Đại diện theo ủy quyền: Anh [Lê Minh T1](#), sinh năm 1993; địa chỉ: [phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh](#); chị [Phạm Thị Thúy A](#), sinh năm 1988; địa chỉ: [ấp B, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh](#); chị [Phạm Thị Kim D](#), sinh năm 1982, địa chỉ: [ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#).

2. Bị đơn:

2.1. Bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#), sinh năm 1975;

2.2. Cháu Võ Ngọc D1, sinh năm 2000;

2.3. Cháu Võ Lộc N, sinh năm 2011;

Đại diện hợp pháp của cháu N: Bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Cùng địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Bà T, chị D, bà M, ông T2 có mặt, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Phạm Thị Kim D trình bày:

Bà T và ông S không có quan hệ họ hàng, chỉ quen biết ngoài xã hội. Ngày 24-11-2022, bà M có cho ông S vay số tiền 1.100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, mục đích vay tiền là để đầu tư kinh doanh. Ngày 27-02-2023, ông S đã trả bà M được số tiền 150.000.000 đồng, còn nợ lại bà T số tiền 950.000.000 đồng. Do bị bệnh nên ông S xin hoãn trả nợ cho bà T, đến tháng 8-2023 ông S bị bệnh không qua khỏi nên đã chết vào tháng 8-2023.

Do đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân nên là nợ chung của ông S, bà M, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà M cùng các con của ông S, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 950.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Bà M là vợ của ông S, ông S đã chết vào tháng 8-2023. Bà M và ông S có 02 người con là Võ Ngọc D1, Võ Lộc N. Hiện tại, hai cháu D1, N đang sống chung với bà M. Ông S có cha ruột tên Võ Ngọc Đ (còn sống), mẹ ruột của ông S đã chết. Sau khi ông S chết, cụ Võ Ngọc Đ đã có văn bản từ chối nhận di sản do ông S để lại.

Bà M không quen biết bà T là ai, việc ông S có vay tiền của bà T hay không thì bà M không biết. Ông không có ý kiến về kết quả giám định của P - Bô C về chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là của ông S. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà M và các con không đồng ý trả cho bà T số tiền 950.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà M, cháu D1, cháu N (đại diện hợp pháp là bà M)

có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 950.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế ông Võ Thanh S1 để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Kim T3 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M, cháu Võ Lộc N, Võ Ngọc D1 thực hiện nghĩa vụ do ông Võ Thanh S1 chết để lại, cụ thể trả số tiền vay 950.000.000 đồng. Bà M, cháu N, cháu D1 có địa chỉ ở khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền vay: Vào ngày 24-11-2022, bà M có cho ông Võ Thanh S1 vay số tiền 1.100.000.000 đồng, đến tháng 8-2023 thì ông S1 chết. Bị đơn trình bày không biết bà M là ai, việc ông S1 có vay tiền của bà M hay không thì bà M và các con không biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập tờ khai căn cước công dân của ông S1 để giám định. Tại kết luận giám định số 887/KL-KTHS ngày 22-02-2024 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C kết luận: Chữ ký, chữ viết tên trong giấy vay tiền ngày 24-11-2022 là của ông Võ Thanh S1. Do đó, có cơ sở xác định, ông S1 có vay của bà T3 số tiền 1.100.000.000 đồng là sự thật. Ông S1 đã trả cho bà T3 số tiền 150.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 950.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T3 buộc bà M, cháu N, cháu D1 có trách nhiệm trả cho bà T3 số tiền 950.000.000, thấy rằng: Ông Võ Thanh S1 có đứng tên một phần đất diện tích 576,50 m², thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ông S1 chết không để lại di chúc, có cha ruột là ông Võ Ngọc Đ, có vợ là Nguyễn Thị Tuyết M và 02 con là Võ Ngọc D1, Võ Lộc N. Nên ông Đ, bà M, cháu D1, cháu N là những người thừa kế hợp pháp thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S1. Tuy nhiên, ngày 05-10-2023, ông Võ Ngọc Đ đã có văn bản từ chối nhận di sản của ông S1 đối với phần đất diện tích 576,50 m², thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Do đó, bà T3 khởi kiện yêu cầu bà M, cháu N, cháu D1 có trách nhiệm trả số tiền 950.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Võ Thanh S1 để lại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T3 không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà [T3](#) về việc buộc bà [M](#) có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà [T3](#) thấy rằng: Xét giấy nợ ngày 24-11-2022 không có bà [M](#) ký tên, bà [M](#) không thừa nhận biết số nợ này. Hơn nữa, bà [T3](#) cũng không chứng minh được số nợ này là nợ chung của vợ chồng ông [S1](#). Do đó, có căn cứ xác định đây không phải là nợ chung của vợ chồng ông [S1](#), nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà [M](#) có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà [T3](#).

[3] Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà [M](#), cháu [N](#), cháu [D1](#) có trách nhiệm trả số tiền 950.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông [Võ Thanh S1](#) chết để lại. Do đó, Tòa án vẫn tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28-12-2023 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định chữ ký: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký với số tiền 2.211.000 (hai triệu, hai trăm mười một nghìn) đồng. Ghi nhận bà [T3](#) đã tạm ứng xong, nên buộc bà [M](#), cháu [N](#), cháu [D1](#) có trách nhiệm thanh toán lại cho bà [T3](#) số tiền 2.211.000 (hai triệu, hai trăm mười một nghìn) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông [Võ Thanh S1](#) chết để lại.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184 của [Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015](#)
- Áp dụng Điều 105, 463, 466, 468, 612, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà [Phan Kim T](#) đối với bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#), cháu [Võ Ngọc D1](#), cháu [Võ Lộc N](#) (đại diện hợp pháp là bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#)) về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#), cháu [Võ Ngọc D1](#), cháu [Võ Lộc N](#) (đại diện hợp pháp là bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#)) có trách nhiệm trả cho bà [Phan Kim T](#) số tiền 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông [Võ Thanh S1](#) để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28-12-2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh để đảm bảo thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí giám định: Bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#), cháu [Võ Ngọc D1](#), cháu [Võ Lộc N](#) (đại diện hợp pháp là bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#)) phải chịu 2.211.000 (hai triệu, hai trăm mười một nghìn) đồng, bà [T](#) đã tạm ứng số tiền này, nên buộc bà [M](#), cháu [D1](#), cháu [N](#) có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà [T](#) số tiền 2.211.000 (hai triệu, hai trăm mười một nghìn) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông [Võ Thanh S1](#) chết để lại.

3.2. Về án phí:

- Bà [Phan Kim T](#) không phải chịu. Hoàn trả cho bà [T](#) số tiền 20.250.000 (hai mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013435 ngày 07-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#), cháu [Võ Ngọc D1](#), cháu [Võ Lộc N](#) (đại diện hợp pháp là bà [Nguyễn Thị Tuyết M](#)) phải chịu 40.500.000 (bốn mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông [Võ Thanh S1](#) chết để lại.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn